

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về việc thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng Viện, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

BỘ TRƯỞNG



Chư Ngọc Anh



ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của

Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Chương I

SỨ MỆNH, VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Sứ mệnh

Sứ mệnh của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (sau đây gọi tắt là Viện) là trở thành một viện đa ngành, đa lĩnh vực hàng đầu về nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại phục vụ cho các ngành công nghiệp và sự phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam. Viện có đội ngũ các nhà khoa học và nhân viên có trình độ cao; có cơ sở vật chất và hệ thống vận hành hiện đại cho công tác nghiên cứu và triển khai (NC&TK); thiết lập cơ chế tự chủ cao và quy trình quản lý tiên tiến cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia về khoa học và công nghệ và hiện đại hóa các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Viện là tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, được thành lập theo Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

2. Viện có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là: The Vietnam - Korea Institute of Science and Technology (Viết tắt là VKIST).

3. Viện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước và ngân hàng thương mại để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Viện có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội; được mở chi nhánh, và các văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ của Viện

1. Chức năng

Viện có chức năng thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) ở trình độ cao về các khoa học ứng dụng và các công nghệ đa ngành

phục vụ các ngành công nghiệp; cung cấp dịch vụ kỹ thuật tiên tiến và nguồn nhân lực trình độ cao cho các doanh nghiệp và các ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật.

2. Nhiệm vụ

a) Nghiên cứu, phát triển các công nghệ thiết yếu phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn theo định hướng và hợp đồng của Nhà nước và các doanh nghiệp.

b) Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm chiến lược và hệ thống cho quốc phòng, an ninh quốc gia do Nhà nước giao nhiệm vụ dựa trên định hướng ưu tiên của Chính phủ, của Bộ Khoa học và Công nghệ theo từng thời kỳ.

c) Tham gia nghiên cứu và phát triển các sản phẩm quốc gia.

d) Phát triển các dự án hợp tác NC&TK và chủ động đưa các kết quả nghiên cứu vào các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô lớn và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

đ) Thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, chú trọng vào việc nâng cấp các lĩnh vực công nghiệp chiến lược và phát triển các công nghệ hiện đại để gia tăng việc nội địa hóa các công nghệ nhập khẩu, tập trung vào lĩnh vực công nghệ thông tin và công nghệ sinh học.

e) Thúc đẩy tinh thần kinh doanh và việc ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp và các doanh nghiệp có định hướng công nghệ.

g) Hỗ trợ các ngành kinh tế - kỹ thuật và các doanh nghiệp với các dịch vụ kỹ thuật mang tính chủ động.

h) Phát triển chính sách và kế hoạch cho các ngành kinh tế - kỹ thuật chiến lược tại Việt Nam để đẩy nhanh sự phát triển của công nghệ và công nghiệp.

i) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực NC&TK, sản xuất và kinh doanh; thiết lập quan hệ với các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước, trong đó đặt ưu tiên đối với các viện nghiên cứu, các trường đại học và các doanh nghiệp của Hàn Quốc.

k) Tổ chức các chương trình đào tạo sau đại học trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên của Viện theo quy định của pháp luật về giáo dục, đào tạo; đào tạo nhân lực kỹ thuật trình độ cao cho các ngành kinh tế - kỹ thuật và doanh nghiệp.

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

Điều 4. Quyền tự chủ của Viện

Viện được thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ ngân sách chi thường xuyên và chi đầu tư theo

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các quy định của pháp luật về chính sách sử dụng, trọng dụng đối với công chức, viên chức. Ngoài ra, Viện được thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù, cụ thể như sau:

1. Về hoạt động và quản lý

a) Tự xác định các mục tiêu phát triển trung hạn, dài hạn; xây dựng các chiến lược, chương trình, kế hoạch và tổ chức việc thực hiện sứ mệnh.

b) Tự quyết định các định hướng, chương trình, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Viện.

c) Ký kết các hợp đồng nghiên cứu và được áp dụng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đối với nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Tự xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác nghiên cứu chung với các đối tác trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Về tổ chức bộ máy

Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định về tổ chức, hoạt động của các đơn vị có tư cách pháp nhân và đơn vị khác thuộc Viện.

3. Về nhân lực

a) Quyết định cơ cấu và số lượng người trực tiếp hoạt động khoa học và công nghệ tại Viện.

b) Quyết định tuyển dụng, cho thôi việc, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thuê đảm nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật và quản lý đối với các cá nhân làm việc tại Viện.

c) Quyết định mức lương, phụ cấp theo lương và các chế độ ưu đãi cụ thể khác đối với cá nhân làm việc tại Viện theo Quy chế tài chính của Viện do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

d) Quyết định cử Lãnh đạo Viện và cá nhân làm việc tại Viện đi đào tạo, thực tập, làm việc, công tác, tham dự hội nghị, hội thảo ở trong nước và nước ngoài.

e) Quyết định việc mời chuyên gia và cộng tác viên trong nước và nước ngoài làm việc tại Viện và thực hiện chế độ đãi ngộ đối với chuyên gia theo Quy chế tài chính của Viện.

4. Về tài chính

- a) Viện được áp dụng cơ chế tự chủ về tài chính, bảo đảm khuyến khích các nhà khoa học trình độ cao là người nước ngoài, người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Viện.
- b) Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Viện được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam (Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ) và những văn bản pháp luật có liên quan.
- c) Viện được tự chủ quản lý và quyết định nội dung, định mức chi, sử dụng các nguồn tài chính theo Quy chế tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.
- d) Đối với nguồn tài chính từ các khoản viện trợ, tài trợ và quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Viện thực hiện theo quy định hoặc thoả thuận với nhà tài trợ và Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.
- đ) Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư trang thiết bị từ nguồn nhân sách nhà nước, việc kiểm soát và thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.
- e) Viện được vay vốn của các tổ chức, cá nhân, vay tín dụng ngân hàng để đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng các hoạt động của Viện và chịu trách nhiệm trả nợ vay theo quy định; được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp theo quy định.
- g) Viện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho Viện quản lý như giao vốn cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản nhà nước. Viện được quyền sử dụng tài sản cố định được giao, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn huy động của cá nhân làm việc tại Viện để tham gia liên doanh, liên kết phục vụ sản xuất kinh doanh, thương mại hóa, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên nguyên tắc tự bù đắp chi phí và bảo toàn vốn tham gia liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật.
- h) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Nhà nước đặt hàng, Viện được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng theo quy định của pháp luật hiện hành. Các nhiệm vụ do các tổ chức, cá nhân đặt hàng không sử dụng ngân sách Nhà nước được thực hiện theo hợp đồng.
- i) Viện được trích lập các Quỹ theo quy định của Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các quy định khác có liên quan.

k) Viện được thực hiện các quyền tự chủ khác về tài chính theo Quy chế tài chính của Viện, Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác của pháp luật.

Điều 5. Báo cáo và đánh giá

1. Viện báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả và hiệu quả hoạt động của Viện trong báo cáo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất nếu cần thiết.

2. Định kỳ ba (03) năm một lần, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của Viện, ngoại trừ lần đánh giá đầu tiên được thực hiện sau hai (02) năm kể từ khi thành lập. Phương thức và tiêu chí đánh giá hoạt động của Viện theo thông lệ quốc tế; kinh phí đánh giá được dự toán vào hoạt động của Viện trong năm tiến hành đánh giá.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Viện

Cơ cấu tổ chức của Viện bao gồm Hội đồng Viện, Viện trưởng và các Phó Viện trưởng, Hội đồng khoa học, các đơn vị nghiên cứu và phát triển và các đơn vị khác.

Điều 7. Hội đồng Viện

1. Hội đồng Viện là cơ quan có thẩm quyền quyết định về chiến lược phát triển, định hướng nghiên cứu, cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc, nhân sự Viện trưởng và tổ chức giám sát các hoạt động của Viện.

2. Hội đồng Viện gồm không quá mười ba (13) thành viên với cơ cấu như sau:

- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là Chủ tịch Hội đồng;
- Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Các thành viên Hội đồng khác bao gồm: 01 đại diện lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 01 đại diện lãnh đạo Bộ Tài chính; 04 nhà khoa học tiêu biểu trong các lĩnh vực ưu tiên của Viện; 02 đại diện lãnh đạo doanh nghiệp tiêu biểu trong lĩnh vực điện tử - tin học và công nghệ sinh học và Viện trưởng Viện V-KIST.

3. Hội đồng Viện có nhiệm kỳ hoạt động 05 năm. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng Viện đề nghị điều chỉnh thành viên khi cần thiết. Sau mỗi nhiệm kỳ, Hội đồng Viện được bổ nhiệm mới đến 50% tổng số thành viên. Mỗi thành viên không tham gia Hội đồng Viện quá hai nhiệm kỳ liên tục.

4. Trong nhiệm kỳ đầu tiên, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng Viện trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Nhiệm kỳ tiếp theo, Hội đồng Viện được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng Viện do các thành viên Hội đồng bầu và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê chuẩn. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng không được đồng thời làm Viện trưởng. Thành viên Hội đồng Viện do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm.

5. Các thành viên Hội đồng không hưởng lương của Viện, nhưng có thể được hưởng thù lao từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước của Viện. Mức thù lao và phụ cấp được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

6. Hội đồng Viện họp ít nhất mỗi năm hai lần và họp bất thường khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Viện. Hội đồng Viện hoạt động theo cơ chế tập thể và quyết định theo đa số trên cơ sở biểu quyết của các thành viên. Các cuộc họp của Hội đồng Viện được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng Viện tham dự. Bất cứ thành viên nào vắng mặt có thể bỏ phiếu hoặc cho ý kiến bằng văn bản.

7. Quyết định của Hội đồng Viện được thông qua khi được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự biểu quyết thông qua. Phương thức biểu quyết do Chủ tịch Hội đồng Viện quyết định. Nội dung và các quyết định tại cuộc họp Hội đồng phải được ghi thành biên bản và gửi đến các thành viên Hội đồng.

8. Vai trò và nhiệm vụ, của Hội đồng Viện

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm và hằng năm của Viện; tư vấn về định hướng ưu tiên đối với hoạt động NC&TK; cho ý kiến đối với dự toán tài chính và báo cáo quyết toán năm của Viện.

b) Quyết định về cơ cấu tổ chức của Viện trên cơ sở đề nghị của Viện trưởng.

c) Bầu hoặc bãi nhiệm Viện trưởng để trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê chuẩn.

d) Thông qua hoặc bãi nhiệm nhân sự Phó Viện trưởng theo đề xuất của Viện trưởng.

e) Giám sát toàn bộ hoạt động của Viện.

g) Ban hành các nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng.

Điều 8. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng Viện

1. Hội đồng Viện có Chủ tịch Hội đồng và không quá hai (02) Phó Chủ tịch Hội đồng.

2. Chủ tịch Hội đồng Viện triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng Viện, quyết định về chương trình nghị sự và tổ chức biểu quyết tại cuộc họp; chỉ đạo thực hiện những quyết định của Hội đồng Viện; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Hội đồng Viện và trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp có vấn đề cấp bách cần thông qua Hội đồng Viện nhưng không thể triệu tập họp Hội đồng ngay, Chủ tịch Hội đồng Viện được quyền quyết định và báo cáo Hội đồng Viện trong cuộc họp gần nhất sau đó.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng Viện là 05 năm và có thể được bầu lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tục.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng Viện giúp việc cho Chủ tịch theo phân công của Chủ tịch; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng Viện và theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 9. Viện trưởng và các Phó Viện trưởng

1. Viện có Viện trưởng và không quá ba (03) Phó Viện trưởng.

2. Viện trưởng là người đại diện theo pháp luật của Viện. Viện trưởng do Hội đồng Viện bầu, bãi nhiệm và được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê chuẩn. Nhiệm kỳ của Viện trưởng là 05 năm và có thể được bầu lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tục.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Viện trưởng

a) Chỉ đạo, quản lý và điều hành mọi hoạt động của Viện theo chế độ thủ trưởng.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng Viện và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về toàn bộ hoạt động của Viện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Viện sau khi được Hội đồng Viện thông qua.

d) Quyết định số lượng người làm việc; về tiêu chuẩn và tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức, người lao động của Viện; quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm lại, thuê đảm nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc Viện.

đ) Quyết định về mức lương, phụ cấp theo lương và các chế độ đãi ngộ cụ thể đối với cá nhân làm việc tại Viện tuân thủ Quy chế tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

e) Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quy chế tài chính của Viện; Quy chế làm việc của Viện;

g) Thực hiện công tác đối ngoại với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

h) Mời các nhà khoa học và cộng tác viên trong và ngoài nước đến Viện làm việc.

i) Quyết định cử Phó Viện trưởng và cá nhân làm việc tại Viện đi đào tạo, thực tập, công tác, tham dự hội nghị, hội thảo ở trong nước và nước ngoài. Đối với các cá nhân sử dụng hộ chiếu công vụ, việc cử đi công tác nước ngoài được thực hiện theo Quy chế quản lý hộ chiếu và đoàn ra của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng trong các lĩnh vực công tác được Viện trưởng giao; được quyết định những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng về công việc được giao.

Các Phó Viện trưởng do Viện trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi được Hội đồng Viện nhất trí thông qua.

5. Khi Viện trưởng vắng mặt, một Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền quản lý và điều hành hoạt động của Viện.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức

1. Các đơn vị thuộc khối nghiên cứu

a) Phòng Điện tử

b) Phòng Công nghệ thông tin

c) Phòng Công nghệ thực phẩm

d) Phòng Công nghệ sinh học

e) Phòng Kỹ thuật Y sinh

f) Phòng Vật liệu và Thiết bị tiên tiến

g) Phòng Công nghệ năng lượng và môi trường

h) Phòng Công nghệ tích hợp dựa trên IT-BT

2. Các đơn vị thuộc khối kế hoạch tương lai và đối ngoại

a) Phòng Kế hoạch và Điều phối

b) Phòng phát triển kinh doanh công nghệ

3. Các đơn vị thuộc khối hành chính, quản lý và hỗ trợ:

a) Phòng Quản trị Hành chính

b) Phòng Hỗ trợ Nghiên cứu & Triển khai, Kinh doanh

4. Các đơn vị khác bao gồm các trung tâm và các phòng thí nghiệm được thành lập theo quy định của pháp luật.

Việc thành lập, tái cơ cấu, giải thể và quy định nhiệm vụ của các phòng ban trực thuộc do Viện trưởng quyết định.

Điều 11. Hội đồng khoa học của Viện

1. Hội đồng khoa học của Viện do Viện trưởng thành lập, gồm thành viên là các nghiên cứu viên, nhà khoa học có uy tín ở trong nước và nước ngoài. Hội đồng khoa học của Viện có chức năng tư vấn cho Viện trưởng trong việc đánh giá các dự án nghiên cứu, và thực hiện việc đánh giá và kiểm soát chất lượng các kết quả khoa học và công nghệ của Viện.

2. Hội đồng khoa học của Viện có không quá 13 thành viên, với nhiệm kỳ hoạt động là 05 năm. Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học do Viện trưởng quyết định bổ nhiệm.

3. Hội đồng khoa học của Viện họp hàng tháng và họp bất thường khi cần thiết theo yêu cầu của Viện trưởng. Phiên họp của Hội đồng khoa học của Viện được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự. Các quyết định của Hội đồng được thông qua khi có tối thiểu 3/4 số thành viên tham dự nhất trí.

Điều 12. Nhân lực của Viện

1. Công chức, viên chức.
2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.
3. Người làm việc kiêm nhiệm, cộng tác viên.

Điều 13. Chế độ làm việc của Viện

1. Viện được tổ chức và hoạt động theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về việc thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc. Hoạt động nghiên cứu của Viện thực hiện theo đặt hàng của Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân.

2. Viện thực hiện chế độ công chức, viên chức và người lao động làm việc trực tiếp với Lãnh đạo Viện, kết hợp với công tác điều hành của lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Viện.

3. Viện thực hiện chế độ làm việc, quan hệ công tác với các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo Quy chế làm việc của Bộ và các quy định khác do Bộ trưởng ban hành.

4. Viện có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức, cá nhân ngoài Bộ có liên quan theo đúng quy định khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 14. Nguồn tài chính của Viện

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp:

a) Kinh phí hoạt động thường xuyên và các khoản thuế phải nộp theo dự toán hằng năm của Viện (theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ).

b) Vốn đối ứng cho Dự án hợp tác xây dựng Viện theo cam kết tại hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hàn Quốc từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở hạ tầng trang thiết bị nghiên cứu hiện đại cho Viện;

c) Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị và sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Các nguồn thu từ hoạt động của Viện:

a) Thu từ việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của Nhà nước và doanh nghiệp;

b) Thu từ hoạt động đào tạo, chuyển giao công nghệ và các hoạt động dịch vụ khác;

c) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh;

d) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại chi theo quy định (phần được để lại chi thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí);

đ) Thu hợp pháp khác.

3. Vốn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Các khoản tài trợ, viện trợ ODA không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc và các nước khác được coi là nguồn thu của Viện, được thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân tài trợ và Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

4. Nguồn tài chính khác, bao gồm: vốn khấu hao tài sản cố định, thu thanh lý tài sản được để lại theo quy định; các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Tài sản của Viện

1. Viện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho Viện quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp nhà nước. Viện được sử dụng tài sản để thế chấp vay vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, thương mại hóa, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các tài sản trí tuệ khác hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước do Viện chủ trì được giao cho Viện sở hữu hoặc sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Hằng năm, Viện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí để đầu tư bổ sung, đổi mới trang thiết bị, sửa chữa lớn, xây dựng mới và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ NC&TK khoa học và công nghệ của Viện.

Điều 16. Quản lý tài chính và tài sản của Viện

1. Quản lý tài chính và tài sản

a) Các nguồn tài chính, nội dung chi, mức chi và phương thức thanh toán, quyết toán và các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của Viện phải được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện

Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện được xây dựng trên cơ sở công khai, minh bạch và do Viện trưởng ban hành sau khi được Hội đồng Viện chấp thuận.

b) Viện có trách nhiệm sử dụng và quản lý tài sản theo đúng mục đích, nhiệm vụ được giao; bảo toàn và phát triển tài sản Nhà nước giao; sử dụng nguồn tài trợ của Hàn Quốc theo đúng nội dung thỏa thuận giữa Chính phủ hai nước và thỏa thuận với nhà tài trợ (nếu có); thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa bảo vệ tài sản theo chế độ quy định; hạch toán, ghi chép tài sản, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được giao theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm toán, báo cáo và công khai tài chính

a) Viện thực hiện kiểm toán theo quy định tại khoản 4, Điều 4 Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ. Kết quả kiểm toán phải được gửi cho Hội đồng Viện và Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Viện thực hiện chế độ báo cáo và công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Hội đồng Viện, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Điều lệ này.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Hội đồng Viện và Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Chu Ngọc Anh